

NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN, NÔNG DÂN NAM PHI TỪ CHẾ ĐỘ APACTHAI SANG XÃ HỘI DÂN CHỦ

*Đỗ Đức Định**

Năm 1994 Nam Phi đã làm một cuộc chính biến ngoạn mục, tổ chức thành công cuộc bầu cử dân chủ đầu tiên, xóa bỏ chế độ Apacthai phân biệt chủng tộc kéo dài suốt từ năm 1948 đến 1994, thành lập nhà nước Cộng hòa Nam Phi, mở ra thời kỳ mới cho sự phát triển của một đất nước rộng lớn với diện tích trên 1 triệu km², dân số 50 triệu người, GDP 200 tỷ USD và thu nhập bình quân đầu người hiện nay gần 4.000 USD. Trong tiến trình chuyển đổi chế độ chung trên cả nước, nông nghiệp, nông thôn và nông dân Nam Phi đã có những thay đổi mang tính cơ bản, đổi đời. Dưới đây chúng ta sẽ xem xét kỹ hơn về những thay đổi đó.

1. Nông nghiệp, nông thôn, nông dân Nam Phi dưới chế độ Apacthai

Trong thời kỳ cai trị của chủ nghĩa Apacthai, nông nghiệp, nông thôn và nông

dân Nam Phi không chỉ bị đặt dưới chế độ phân biệt chủng tộc, mà còn chịu sự đối xử hà khắc, tàn bạo đối với những người dân nghèo sống như nô lệ tại các vùng nông thôn.

Theo *Luật Sở hữu đất đai* của chế độ Apacthai, người da đen không được sở hữu đất đai ở khu vực của người da trắng. Ngay cả khi người da đen được phép mua đất đai ở các khu vực khác, thì giá đất mà họ phải trả cho chính phủ Apacthai cao gấp 3-4 lần so với người da trắng. Người da đen và da màu bị mất quyền sở hữu chính những mảnh đất vốn là của họ. Chính quyền apacthai đã chia đất nước thành những vùng đất riêng biệt. Khoảng 87% đất đai được giữ cho người da trắng, da màu và người gốc Ấn Độ, 13% còn lại giành làm các vùng “quê hương” (*homeland*) của người da đen chiếm khoảng 80% dân số. Người da đen nếu có thì chỉ được sử dụng những mảnh đất cần cỗi rất khó canh tác. Hầu hết họ phải đi

* Phó giáo sư, Tiến sĩ,
Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

làm thuê trong các đồn điền, trang trại của người da trắng, mà khoảng 80% đất trang trại nằm trong tay người da trắng.

Còn theo quy định của *Luật đô thị*, người da đen, kể cả vợ con họ, bị cấm sống hoặc thăm viếng tại các thành phố da trắng nếu không có giấy phép đặc biệt. Người da đen bị đưa đến những vùng đất giành riêng cho họ gọi là “quê hương độc lập” như Transkei, Ciskei, Bophuthatswana và Venda, trừ những người da đen thuộc “khu vực 10” là những người đã nhập cư vào các thành phố từ trước chiến tranh thế giới thứ hai, có giấy phép được gọi là *dompas* mới được phép ở tại các khu vực trên. Đa phần người da đen bị tước quyền công dân Nam Phi khi các khu “quê hương” tuyên bố “độc lập”. Phụ nữ da đen không được phép vào khu vực đô thị hơn 72 tiếng đồng hồ trong một thập kỷ. Không có sự giúp đỡ của người đàn ông, người chồng, người cha trong gia đình, tất cả gánh nặng kiếm sống nuôi gia đình, chăm sóc con cái đều dồn lên đôi vai của người phụ nữ da đen. Gánh nặng đó càng nặng nề hơn khi họ không có ruộng đất canh tác. Họ phải làm quần quật suốt ngày mà không thể kiếm đủ để nuôi gia đình. Cuộc sống của họ gặp vô vàn khó khăn, thiếu thốn.

Tại những vùng đất gọi là “quê hương độc lập”, người da đen bị mất quyền công dân Nam Phi, chỉ được thừa nhận quyền công dân của vùng “quê hương” đó. Những người da đen thuộc các khu này không bao giờ nhận được hộ chiếu, họ chỉ được nhận một cuốn sổ thông hành. Những cư dân của các vùng “quê hương độc lập” hay “tự trị” chỉ có các quyền công dân Nam Phi rất hạn chế so với những người Nam Phi khác. Chính quyền Apacthai đã đánh

đồng vấn đề “công dân” da đen ở các vùng “quê hương” Nam Phi với những người nhập cư bất hợp pháp mà các nước khác phải đối mặt.

Từ thập niên 1950 đến đầu thập niên 1980, chính quyền apacthai đã thực hiện chính sách di rời, cưỡng chế người dân phải chuyển đến các khu vực theo nhóm đã định. Khoảng hơn 3,5 triệu người đã bị cưỡng chế di rời trong thời kỳ này, đó là những người lao động trong các trang trại do người da trắng sở hữu; người dân thuộc các “điểm đen” - những khu vực đất đai thuộc sở hữu của người Phi, nhưng xung quanh là các trang trại của người da trắng; những gia đình công nhân sống trong các thị trấn khép kín với các khu “quê hương”; những “người thừa” của các khu đô thị, trong đó có hàng ngàn người thuộc vùng Western Cape được tuyên bố là khu vực lao động da màu ưu tiên, những người này bị buộc phải chuyển đến các khu “quê hương” ở Transkei và Ciskei. Vụ cưỡng chế di rời lớn nhất trong thập niên 1950 diễn ra ở Johannesburg với 60.000 người bị chuyển đến các thị trấn mới thuộc tỉnh Soweto.

Điển hình nhất là vụ di rời cưỡng chế tại Sophiatown. Cho đến năm 1955, Sophiatown là một trong số ít các khu vực thành thị nơi người da đen được quyền sở hữu đất đai và phát triển dần thành nơi di dân đa sắc tộc, là nơi có lực lượng lao động da đen phát triển nhanh chóng và là một thị trấn khép kín. Bất chấp sự phản đối quyết liệt của Đảng Đại hội Dân tộc Phi (ANC) cũng như dư luận rộng rãi, sự di rời cưỡng chế đối với Sophiatown đã diễn ra từ ngày 9 tháng 2 năm 1955 theo sắc luật gọi là Sơ đồ Di rời khu vực miền Tây. Cảnh sát được trang bị vũ khí hạng nặng



đến Sophiatown để cưỡng chế cư dân tại đó rời khỏi các ngôi nhà của họ, chất tất cả đồ đạc của họ lên xe tải chở hàng của cảnh sát. Những cư dân này bị đưa đến một vùng đất rộng cách trung tâm thành phố khoảng 13 dặm có tên gọi là Meadowland (hiện nay là một phần của Soweto). Sau đó Sophiatown bị san ủi để lấy chỗ xây dựng một khu đô thị mới dành cho người da trắng được đặt tên Triomf (Triumph – Thắng lợi).

Hình thức cưỡng chế di rời kiểu trên đây tiếp tục diễn ra vào các năm sau đó tại các khu vực như Cato Manor ở Durban, hay Quận 6 ở Cape Town, khiến khoảng 55.000 người gốc Ấn Độ và người da màu phải rời đến thị trấn ở Cape Flats. Trong giai đoạn này, sự cưỡng chế di rời được thực hiện theo Luật Các khu vực nhóm người năm 1950. Trong năm 1982 hơn 1 triệu người da đen Nam Phi đã bị chuyển hẳn sang nước khác như Xoa Dilen chẳng hạn mà không hề có bất kỳ lời giải thích nào.

Do bị thiếu số người da trắng với dưới 20% dân số chiếm hữu 95% diện tích đất đai của cả nước Nam Phi, hầu hết người da đen bị tước mất quyền sở hữu và canh tác trên các vùng đất đai phì nhiêu, họ phải đi làm thuê cho các ông chủ da trắng trong các đồn điền, trang trại, hay làm lao công tại các thành phố, với mức lương thấp, nhiều khi thấp hơn cả mức tối thiểu đã quy định theo chuẩn nghèo, còn gọi là “mốc đường biên nghèo khổ” (PDL). Rút cục, những người làm công da đen này, dù có việc làm, nghèo vẫn hoàn nghèo, cái nghèo đeo đẳng họ suốt cả cuộc đời và từ đời này sang đời khác. Theo số liệu thống kê về tình trạng đói nghèo ở Nam Phi năm 1993, nông thôn là nơi có số lượng người

nghèo đông nhất, 20,3 triệu người, chiếm 53,4% dân số. Khu vực có tỷ lệ người nghèo lớn nhất Nam Phi là Eastern Cape với 78% dân số nghèo; đứng thứ hai là Northern Providence với 77% dân số nghèo.

2. Nông nghiệp, nông thôn, nông dân Nam Phi thời kỳ cải cách

Nhằm khắc phục tình trạng bất công dưới chế độ Apacthai, Chính phủ Nam Phi mới đã hoạch định những chính sách phát triển mới quyết tâm “giữ sạch quá khứ”, chống phân biệt chủng tộc, xây dựng “một cuộc sống tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người”, gắn việc xây dựng thể chế chính trị dân chủ với nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế và thực hiện các chính sách phúc lợi xã hội, xóa đói, giảm nghèo, tiến hành phân chia lại tài sản như đất đai, nhà xưởng... xây dựng các thể chế kinh tế mới nhằm phục vụ lợi ích công bằng cho mọi công dân.

Thay đổi chế độ sở hữu là một vấn đề mấu chốt của cải cách. Chính phủ mới do Tổng thống Nelson Mandela lãnh đạo đã tiến hành cải cách chế độ sở hữu thông qua việc phân chia lại tài sản, đất đai, công xưởng, trao quyền sở hữu cho cả người da đen và người da trắng.

Khi thực hiện các chính sách kinh tế mới, chính Phủ Nam Phi không chỉ chú ý tới việc canh tác và sản xuất nông nghiệp, mà còn khuyến khích các ngành công nghiệp chế biến nông sản, chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, coi đó là mục tiêu để tạo việc làm trong bộ phận dân cư đang có điều kiện sống bất lợi nhất.

Sự coi trọng đối với nông nghiệp vừa nhằm đáp ứng nhu cầu lương thực, thực

phẩm và đời sống của nhân dân trong nước, vừa để phục vụ cho mục đích thương mại. Đối với Nam Phi, điều kiện thời tiết không ưu đãi cho phát triển nông nghiệp, đất đai hầu hết bị sa mạc hoá. Theo đánh giá của chính phủ Nam Phi, trong số 13% đất đai được sử dụng cho sản xuất nông nghiệp, chỉ có 22% đất đai được coi là có khả năng canh tác tốt. Lượng mưa ít ỏi ở Nam Phi phân bố không đều trên toàn quốc, phần lớn đất đai bị khô hạn, chỉ có 1,3 triệu hecta đất nông nghiệp được tưới tiêu. Năm 2004, nông nghiệp chiếm 3,4% GDP. Trong giai đoạn 2001-2002 tổng giá trị sản xuất nông nghiệp ước tính đạt 66 tỷ Rand, tăng 30% so với năm trước đó. Trong cơ cấu nông nghiệp, chăn nuôi chiếm 35,3%, cây lương thực 41%, làm vườn 23,7%. Những sản phẩm nông nghiệp chính của Nam Phi là ngô, lúa mì, yến mạch, đường, hoa tươi, nho, cam chanh và gia súc gia cầm.

Từ năm 1994, chính sách nông nghiệp của Nam Phi đã có nhiều thay đổi, trọng tâm hướng vào việc phi điều tiết thị trường nông sản, huỷ bỏ thuế đối với những ngành ưu đãi, cải cách đất đai, cải cách chính sách thương mại. Những đổi mới chủ yếu trong chính sách thương mại nhằm thay thế biện pháp kiểm soát trực tiếp hàng hoá nhập khẩu bằng thuế nhập khẩu sang biện pháp duy trì tỷ lệ thuế quan thấp dưới mức quy định của WTO, huỷ bỏ kiểm soát nhà nước đối với xuất khẩu, ký kết những hiệp định thương mại ưu đãi trong và ngoài Cộng đồng Phát triển miền Nam Châu Phi (SADC), giúp người nông dân Nam Phi tiếp cận dễ dàng hơn với thị trường khu vực và quốc tế. Giảm 1/3 tỷ lệ thuế quan trong giai đoạn 1994 -1999. Từ khi áp dụng các biện pháp

phi điều tiết thị trường vào giữa thập kỷ 1990, những can thiệp của thị trường trong nước đối với cây mía đường đã được Hiệp hội đường Nam Phi áp dụng để duy trì khả năng xuất khẩu đường của nước này. Quan trọng hơn là, Chương trình cải cách đất đai với 3 mục tiêu: thực hiện bồi thường đất đai, phân phối lại đất đai và cải cách sở hữu ruộng đất, đã đem lại những cơ hội được sở hữu đất đai nông nghiệp cho người da đen. Năm 2005, chính phủ đã áp dụng các chương trình mới hỗ trợ cho các hộ nông dân có xu hướng thị trường hoá sản phẩm nông nghiệp, chủ yếu cung cấp các khoản đầu tư và tín dụng nhỏ, các dịch vụ tài chính bán lẻ cho các vùng nông thôn.

Chính sách mở cửa ngành nông nghiệp đã tạo cơ hội cho Nam Phi phát triển thành một trong những nhà xuất khẩu hàng đầu thế giới về một số nông sản như rượu vang, hoa quả sạch và đường. Xuất khẩu nông sản của Nam Phi chiếm khoảng 9% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, trong đó xuất khẩu sang thị trường châu Âu chiếm 50%. Từ năm 2000, nhập khẩu nông phẩm chiếm 5-6% kim ngạch nhập khẩu hàng năm của Nam Phi.

Theo đánh giá của tổ chức OECD, Nam Phi là nước có chính sách hỗ trợ trực tiếp các nhà sản xuất nông nghiệp xếp hạng thấp trên thế giới, bình quân chỉ bằng 5% tổng doanh thu của hộ nông dân trong giai đoạn 2000-2003, trong khi ở các nước OECD tỷ lệ này là 31%, EU 34%, Nhật Bản 58%. Đối với Nam Phi, mức trợ cấp nông nghiệp không những thấp, mà còn có xu hướng giảm dần kể từ năm 1994, điều này cho thấy sự can thiệp chính sách của chính phủ đối với các nhà sản xuất nông nghiệp là ở mức tối thiểu.

Tuy hạn chế trợ cấp trực tiếp, nhưng chính phủ Nam Phi đã hỗ trợ nông dân thông qua kênh “Trợ giá thị trường” (Market Price Support – MPS). Đặc biệt trong ngành mía đường, với 50% sản lượng dùng để xuất khẩu, ngoài việc nhận được mức hỗ trợ cao nhất trong số các sản phẩm nông nghiệp (23% tổng doanh thu), các biện pháp hỗ trợ khác của nhà nước chủ yếu thông qua hàng rào nhập khẩu cao và hệ thống định giá trong đó các nhà sản xuất đường của Nam Phi được bồi hoàn những thiệt hại xuất khẩu do giá bán trong nước cao hơn giá xuất khẩu. Những ngành nhận được hỗ trợ sản xuất thấp nhất là trứng, táo, cam, nho, lạc, thịt bò và ngành trồng hoa.

Mặc dù điều kiện tự nhiên không thuận lợi lắm, nhưng với những nỗ lực to lớn và những điều chỉnh chính sách thích hợp, đến nay Nam Phi đã tự cung cấp được phần lớn các loại lương thực cơ bản. Trong ngoại thương, Nam Phi nhập khẩu một số nông phẩm như lúa mì, gạo, chè, cà phê và các loại nông phẩm có dầu; xuất khẩu một số sản phẩm nông nghiệp khác như trái cây có múi, đường, nho, táo, lê, quả mọng, ngô, rượu nho, lạc, hoa tươi, vải nỉ và len. Chính phủ Nam Phi đã đẩy mạnh các cuộc đàm phán để giành quyền ưu đãi cho các nông phẩm xuất khẩu của nước mình. Một trong những kết quả đã đạt được là từ cuối năm 1995, trên 59% sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu của Nam Phi được hưởng chế độ ưu đãi chung GSP của EU. Năm 2000, Nam Phi đã ký hiệp định thương mại tự do FTA với EU, một thị trường chiếm 1/3 tổng kim ngạch ngoại thương của Nam Phi. Hiện nay Nam Phi đang đàm phán để ký Hiệp định Thương mại, phát triển và Hợp tác (TDCA) với EU

nhằm nâng tầm hợp tác lên mức cao hơn trong các lĩnh vực chính trị, thương mại, kinh tế và hợp tác phát triển, theo đó phần lớn tỷ lệ trao đổi hàng hoá nông sản của hai bên (81% ở Nam Phi và 61% ở EU) sẽ được tự do hoá ở mức độ cao. Đặc biệt tại Vòng đàm phán Đôha của WTO tổ chức ở Cancun năm 2003, Nam Phi đã cùng nhóm nước G20 đưa ra những đề xuất về tự do hoá sản phẩm nông nghiệp, giảm bảo hộ của các nước giàu như Mỹ, Nhật Bản, EU.

Cơ cấu kinh tế Nam Phi chuyển dịch theo hướng phát triển mạnh các ngành có hàm lượng giá trị gia tăng cao. Trong ba khu vực kinh tế, khu vực thứ nhất (gồm nông nghiệp và khai khoáng) giảm dần tỷ trọng, từ 11,5% GDP trong giai đoạn 1990-1999 xuống 10,5% GDP giai đoạn 2000-2001; khu vực thứ hai (chế tạo, điện và xây dựng) cũng có xu hướng giảm từ 27,6% GDP xuống 24,2% GDP; trong khi khu vực thứ ba (các ngành dịch vụ) có xu hướng tăng nhanh, từ 60,9% GDP lên 65,3% GDP trong cùng các giai đoạn tương ứng. Đến năm 2005, tỷ trọng của các ngành chủ chốt trong nền kinh tế Nam Phi là: nông nghiệp 3,4% GDP, công nghiệp 31,6%, dịch vụ 65,1%. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu này cho thấy Nam Phi về cơ bản đã vượt trình độ của một nền kinh tế đang phát triển, đạt mức tương đương như một nền kinh tế đã bước đầu được công nghiệp hóa, đang trên đà hướng tới hiện đại hóa. Xu hướng giảm mức tăng trưởng nông nghiệp đòi hỏi Nam Phi phải có những nỗ lực không chỉ nhằm nâng cao tốc độ tăng trưởng, mà còn phải nâng cao năng suất và chất lượng sản xuất nông nghiệp, tăng việc làm và thu nhập cho người nông dân, khắc phục

những hạn chế trong phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Một trong những hạn chế trong nông nghiệp, nông thôn và nông dân ở Nam Phi là tình trạng tăng trưởng kinh tế thấp, tỷ lệ thất nghiệp và nghèo khổ cao. Theo Báo cáo “Nghèo khổ và bất bình đẳng ở Nam Phi” do Chính phủ công bố tháng 6 năm 2006, sau 10 năm cải cách kinh tế, Nam Phi vẫn có tới 40% dân số sống ở mức nghèo khổ, trong đó 15% người nghèo nhất đang phải vật lộn, đối phó với cuộc sống đầy khó khăn. Tại các vùng nông thôn, Chương trình Tái thiết và Phát triển (RDP) đã cung cấp nước sạch cho hơn 4 triệu người, nhưng chưa đáp ứng số đông người dân thiếu nước sạch sinh hoạt. Mục tiêu của RDP là phân phối lại 30% ruộng đất cho người da đen, nhưng đến nay tốc độ phân phối lại ruộng đất diễn ra rất chậm, không đạt được mục tiêu đã đề ra, nhiều nông dân chưa có ruộng đất canh tác.

Mặt khác, trong phát triển nông thôn và nông nghiệp, tốc độ tăng trưởng chưa đủ cao để giải quyết các vấn đề đang phổ biến liên quan đến con người như dịch bệnh HIV/AIDS, nạn mù chữ, thất học, tình trạng bất bình đẳng sắc tộc... Điều này chứng tỏ những chính sách cải cách và phân bố lại đất đai thời kỳ hậu Apartheid chưa mang lại hiệu quả cao. Thêm vào đó, chính phủ chưa có những biện pháp hỗ trợ, điều chỉnh và đào tạo giúp nông dân phát triển công nghệ nông nghiệp, nâng cao khả năng marketing và quản lý tài chính. Một số chủ hộ nông dân đã phát triển một số loại hình làm dịch vụ thương mại nông sản, nhưng còn mang tính nhỏ lẻ, kém hiệu quả, chưa được chính phủ trợ giúp về các mặt như

dịch vụ tài chính, thông tin thị trường, xây dựng mạng lưới cung cấp đầu vào, đầu ra, xây dựng cơ sở hạ tầng vận tải, kho bãi... Nhiều tiềm năng nông nghiệp chưa được phát huy khai thác và sử dụng. Tính thương mại hóa và tự do hóa của ngành nông nghiệp chưa được phát triển như những ngành khác. Người nông dân chưa được tiếp cận nhiều với các cơ hội đầu tư và phát triển thị trường để nâng cao năng suất lao động và tăng thu nhập từ nông nghiệp.

3. Nông nghiệp, nông thôn, nông dân Nam Phi trong Chiến lược cải cách kinh tế - xã hội giai đoạn II

Sau 10 năm đầu thực hiện công cuộc cải cách chuyển đổi từ chế độ Apartheid sang xã hội dân chủ (1994-2004), từ năm 2005, chính phủ Nam Phi đã triển khai thực hiện Chiến lược cải cách kinh tế - xã hội giai đoạn II kéo dài 10 năm đến 2014, trong đó có những lĩnh vực ưu tiên như xóa đói giảm nghèo, chuyển đổi ruộng đất, tăng cường an ninh lương thực cho các hộ gia đình, liên kết phát triển đa dạng các ngành nghề gắn với phát triển tiềm năng du lịch, phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng và chuyển đổi cơ cấu các ngành công cộng. Trọng tâm của Chiến lược cải cách giai đoạn II tập trung vào phát triển cấp tỉnh, do đó nó gắn nhiều với sự phát triển của các vùng nông thôn hơn.

Mục tiêu của Chiến lược giai đoạn II là đến năm 2014 sẽ tạo ra 3 triệu việc làm, hạ thấp tỷ lệ nghèo khổ xuống 30% so với 40% hiện nay. Trong số những chính sách, biện pháp nêu ra, đáng chú ý là việc ban hành Hiến chương về lợi ích của người da đen tháng 10/2004 trong đó quy định cụ thể các lĩnh vực ưu tiên cho người da đen



tham gia hoạt động là khai mỏ, nông nghiệp, dầu khí, du lịch, công nghệ thông tin, dịch vụ tài chính, vận tải, xây dựng, sản xuất rượu bia, và nhiều lĩnh vực khác. Dự kiến sẽ nâng tỷ lệ sở hữu của người da đen trong các lĩnh vực này lên 25% -30% trong 10 năm kể từ cuối năm 2004. Đi đôi với việc tăng tỷ lệ sở hữu là những biện pháp nhằm tăng cường đào tạo kỹ năng quản lý, kỹ năng làm việc và hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho người da đen. Chính phủ hy vọng với việc cơ cấu lại sở hữu và hỗ trợ kỹ năng trong các ngành kinh tế, quyền lợi và năng lực của người da đen sẽ được nâng lên, giúp họ thoát khỏi đói nghèo và bất bình đẳng, nhất là ở các vùng nông thôn.

Những sản phẩm và ngành nghề mà nông nghiệp, nông thôn và nông dân có thế mạnh sẽ được chú ý phát triển, trong đó có rượu vang ở vùng đất cực nam châu Phi đứng thứ tư thế giới về sản lượng và có tính cạnh tranh cao, hay ngành “công nghiệp không khói” năng động, thu hút 7,3 triệu lượt khách du lịch năm 2006, đang phấn đấu đạt 10 triệu lượt khách vào năm 2010 nhằm phát huy lợi thế của Nam Phi về nhiều vùng cảnh quan tươi đẹp.

4. Hợp tác Việt Nam - Nam Phi trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân và nông thôn

Cho đến nay nếu xét quan hệ hợp tác Việt Nam - Nam Phi trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân và nông thôn nói chung thì chưa thấy rõ, những nếu xét quan hệ xuất nhập khẩu hàng nông sản thì đây là lĩnh vực nổi bật nhất trong quan hệ Việt Nam - Nam Phi. Hiện tại ở châu Phi, Nam Phi là bạn hàng lớn của Việt Nam. Xuất khẩu từ Việt Nam sang Nam Phi tăng nhanh từ 1,2 triệu USD năm 1992

lên 115,61 triệu USD năm 2007. Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu đạt 30,6%/năm giai đoạn 2001- 2006. Cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Nam Phi khá phong phú, đa dạng, phần lớn tập trung vào các mặt hàng nông, lâm, thủy sản, gồm cà phê, cao su và sản phẩm cao su, gạo, tiêu, điều, thủy sản, rau, củ, quả, gỗ và sản phẩm gỗ, hàng thủ công mỹ nghệ làm từ mây, tre đan...

Năm 2007, trong số 10 mặt hàng hoặc nhóm mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang Nam Phi có 5 loại hàng nông sản như gạo; cà phê; gỗ và sản phẩm gỗ, mây tre và thảm; hạt tiêu; hạt điều. Trong 10 sản phẩm xuất khẩu chủ yếu, trước năm 2006 gạo luôn đứng vị trí số 1, chiếm tỉ trọng lớn nhất, thường khoảng 50-60% kim ngạch xuất khẩu, nhưng từ năm 2006, gạo đã rơi xuống vị trí thứ 2, tỷ trọng giảm còn 20-25%, đứng sau sản phẩm giày dép, trên mặt hàng cà phê. Sang năm 2007, gạo không còn nằm trong số ba sản phẩm có giá trị lớn nhất nữa, thay vào đó là giày dép, dệt may và cà phê. Nguyên nhân thứ nhất làm cho mặt hàng gạo giảm sút mạnh cả về tỉ trọng lẫn kim ngạch tuyệt đối là do gạo Việt Nam xuất khẩu vào Nam Phi chủ yếu để tái xuất đi các nước châu Phi khác, vì thế việc tăng kim ngạch về mặt hàng gạo phụ thuộc nhiều vào các nước nhập khẩu tại châu Phi. Nguyên nhân thứ hai là do tại thị trường Nam Phi, khách hàng chủ yếu sử dụng gạo là người gốc Ấn Độ, nên họ tiêu dùng gạo nhập từ Ấn Độ nhiều hơn gạo nhập từ Việt Nam.

Hai năm 2006-2007, một trong những nhóm mặt hàng tăng mạnh cả về xuất và nhập khẩu là gỗ và sản phẩm gỗ. Hiện có một số doanh nghiệp Việt Nam hoạt động

kinh doanh trên đất Nam Phi theo phương thức xuất khẩu gỗ chưa chế biến sang Việt Nam rồi nhập gỗ thành phẩm hoặc sản phẩm bàn ghế trở lại Nam Phi để bán. Gỗ và đồ gỗ đã trở thành nhóm mặt hàng nông sản xuất nhập khẩu lớn nhất giữa Việt Nam và Nam Phi, năm 2006 chiếm gần 25% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường Nam Phi. Số lượng nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ thị trường Nam Phi từ năm 2003 trở lại đây tăng lên nhanh chóng, từ 2,4 triệu USD năm 2003 lên 13,3 triệu USD năm 2006, tăng gấp gần 6 lần. Năm 2007 tuy kim ngạch giảm, nhưng vẫn đạt trên 10 triệu USD, gấp hơn 4 lần mức của năm 2003.

Gỗ là loại sản phẩm có nhiều tiềm năng để các doanh nghiệp Việt Nam tham gia khai thác. Từ lâu Nam Phi đã rất quan tâm đến việc bảo tồn và phát triển rừng, không chỉ rừng tự nhiên, mà còn đặc biệt chú trọng phát triển rừng trồng. Chính phủ Nam Phi đã có những chính sách khuyến khích và mạnh dạn giao cho tư nhân trồng và quản lý rừng. Đến nay rừng trồng của Nam Phi đã đạt 1,5 triệu ha, bằng 1,4 % diện tích của Nam Phi. Nhờ người dân tích cực trồng rừng nên tổng diện tích rừng của Nam Phi ngày nay đã tăng 0,9% so với rừng tự nhiên trước đây. Tuy diện tích khai thác gỗ ở Nam Phi chỉ chiếm 0,07% diện tích khai thác toàn thế giới, nhưng chiếm 1,2% tổng sản phẩm khai thác rừng của thế giới, điều này cho thấy cả số lượng và chất lượng của rừng Nam Phi đều cao. Hiện Nam Phi là một trong những nước đứng đầu thế giới về mặt quản lý và nghiên cứu rừng trồng. Khu vực kinh tế tư nhân bao gồm một số tập đoàn như SAPI, MONDI FORESTRY, các hợp tác xã và các hộ tư nhân cá thể

đóng vai trò hàng đầu trong việc đầu tư trồng rừng và chế biến gỗ một cách hiệu quả, bền vững. Tư nhân chiếm 70% diện tích rừng trồng và 90% cơ sở chế biến gỗ ở Nam Phi.

Các loại gỗ Việt Nam nhập khẩu từ Nam Phi chủ yếu là bạch đàn đỏ, bạch đàn trắng, bạch đàn vàng, khuyh điệp và gỗ thông. Hiện nay mỗi tháng trung bình Việt Nam nhập từ 40 đến 50 container, với tỉ lệ 50/50 gỗ tròn và gỗ xẻ. Giá bình quân (CIF) 200 USD/m³ cho gỗ tròn và 370- 400 USD/m³ cho gỗ xẻ. Các doanh nghiệp như Công ty cổ phần Việt Trang, Công ty Trường Thành, VINAFOR, Công ty XNK Bình Định, Hoàng Anh Gia Lai, Công ty Long Đại, Công ty Sài Gòn xanh, Công ty Cổ phần Yên Sản, NAFORIMEX Hà Nội... là những công ty mà Thương vụ Việt Nam tại Nam Phi nhận được nhiều yêu cầu về nhập khẩu gỗ. Công ty Cổ phần Việt Trang hiện đã mở chi nhánh tại Thành phố Port Elizabeth của Nam Phi chuyên phục vụ cho việc nhập khẩu gỗ từ thị trường Nam Phi và các thị trường lân cận. Sau khi nhập khẩu và chế biến, các doanh nghiệp Việt Nam đã xuất ngược lại Nam Phi một lượng sản phẩm gỗ không nhỏ, năm 2006 lượng xuất khẩu trở lại thị trường Nam Phi bằng 50% kim ngạch nhập khẩu sản phẩm nguyên liệu của doanh nghiệp.

Thực tế xuất nhập khẩu hai chiều về gỗ và sản phẩm gỗ từ Nam Phi thời gian qua cho thấy Nam Phi có thể trở thành thị trường nguồn, cung cấp gỗ nguyên liệu ổn định và lâu dài cho ngành công nghiệp sản xuất và xuất khẩu gỗ của Việt Nam, không chỉ xét về mặt đảm bảo đủ khối lượng và chất lượng gỗ cần thiết, mà cả về mặt đáp ứng yêu cầu nghiêm ngặt đối với

việc bảo vệ môi trường, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận FSC chứng minh việc sử dụng gỗ nguyên liệu từ rừng trồng.

Những kết quả trên đây về kim ngạch xuất - nhập khẩu hàng nông sản giữa Việt Nam và Nam Phi cho thấy hai nước không chỉ có tiềm năng phát triển quan hệ thương mại, mà còn có thể hợp tác phát triển nhiều lĩnh vực khác của ngành nông nghiệp, như xây dựng trang trại, trồng và chế biến các sản phẩm từ rừng, đầu tư phát triển nông nghiệp...

Mặt thuận lợi là hiện nay cả hai nước đều đang trong quá trình cải cách theo hướng kinh tế thị trường, tăng cường hội nhập quốc tế, tạo điều kiện tốt cho việc mở rộng quan hệ hợp tác giữa hai bên. Hai nước có những khả năng bổ sung cho nhau, nhiều mặt hàng nông sản Nam Phi cần nhập chính là những mặt hàng Việt

Nam có thể mạnh, như gạo, hải sản, thủ công mỹ nghệ... trong khi Việt Nam cần nhập một số nông sản như gỗ và sản phẩm gỗ... thì Nam Phi có khả năng đáp ứng. Khó khăn chính là các công ty và người tiêu dùng hai nước chưa hiểu biết nhiều về các sản phẩm của nhau, trong khi phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ lớn từ Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia... Khoảng cách địa lý xa xôi, thông tin ít ỏi, khả năng thanh toán hạn chế cũng là những nhược điểm cần được cả hai bên nỗ lực khắc phục mới có thể đưa quan hệ hợp tác nông nghiệp giữa hai nước phát triển mạnh và lâu bền. Xa hơn và rộng hơn, cần đặt sự hợp tác về nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong mối quan hệ chung mang tầm đối tác chiến lược giữa hai nước, cũng như giữa Việt Nam - Nam Phi và các nước khác ở khu vực châu Phi.

Tài liệu tham khảo

1. Định, Đỗ Đức (Chủ biên), 2008, *Nam Phi - Con đường tiến tới dân chủ, công bằng và thịnh vượng*, NXB KHXH, Hà Nội.
2. OECD, 4/2006, *Agricultural Policy Reform in South Africa*, Policy Brief, Observer.
3. Rooyen, C.J.van; Kirsten, J.F.; Zyl, J.van; Vink, N., *Structural Adjustment Policy Reform and Agricultural Performance in South Africa*, [Http://aec.msu.edu/](http://aec.msu.edu/)